

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **66/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 23/11/2019

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Hạnh: Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXX- ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995; HKTT: Thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh L- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 19/6/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Hoàng Thị T) trình bày:

Chị và anh Trần Văn P cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/5/2016 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh B. Sau khi cưới chị về nhà anh P làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh P sa vào việc chơi cờ bạc nghiện hút dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh P hay đánh đập và đuổi chị đi, vì vậy chị đã bỏ đi khỏi nhà anh P vào khoảng tháng 5/2017. Vợ chồng Ch thức ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu

Tần vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh P, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là: Trần Quốc T, sinh ngày 27/6/2016, hiện nay cháu đang ở cùng bố, cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị đồng ý để anh P được trực tiếp nuôi cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh P đã thỏa Tân anh P không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh P nên chị đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con của vợ chồng.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Trần Văn P): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa P về làm việc tại gia đình nhưng anh P vắng mặt. Ông Trần Văn C (là bố đẻ của anh P) trình bày: Anh P hiện nay hàng ngày vẫn đi lắp đặt máy điều hòa cho các hộ dân ở các nơi, thỉnh thoảng mới về nhà. Gia đình không biết anh P làm địa chỉ cụ thể ở đâu. Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh P thì gia đình và anh P có biết, nhưng do anh P bận công việc nên chưa có thời gian lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập được. Ông C xác định: Chị T và anh P kết hôn có đăng ký tại UBND xã Đ ngày 09/5/2016. Sau khi cưới chị T về nhà ông làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình ông. Đến tháng 8/2017 chị T không hiểu vì lý do gì đã bế con bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở Lào Cai, từ đó chị T không về nhà ông nữa. Việc mâu Tần giữa chị T và anh P gia đình không thấy có mâu Tần cãi cộ gì nên không có nói chuyện gì, nhưng chị T tự bỏ đi. Sau đó gia đình phải lên tỉnh L đón con anh P về nhà nội. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh P gia đình nắm bắt được về quan điểm của anh P là đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Ông C xác định vợ chồng anh P, chị T có 01 con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 27/6/2016, hiện nay cháu đang ở cùng bố, cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh P có ý kiến lại với ông C là anh P đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Trần Quốc T. Về cấp dưỡng nuôi con anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh P.

Về tài sản chung, công sức, công nợ và các quan hệ khác: Ông C xác định vợ chồng anh P, chị T không có gì.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T, sinh ngày 27/6/2016. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000113 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 của chị Hoàng Thị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn P (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa P và gia đình cung cấp, hiện anh P vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Khoát, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, anh P làm nghề lắp đặt điều hòa cho các gia đình ở trong và ngoài địa P, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng anh P không đi hẳn khỏi địa P, gia đình xác nhận anh P đi làm vẫn đi và về qua gia đình để chăm sóc con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §10u 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa Tận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị T thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị T và anh P từ khi kết hôn đã có thời gian ngắn chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được, năm 2017 thì phát sinh mâu Tẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh P không tu chí làm ăn nên vợ chồng hay cãi nhau. Mâu Tẫn cũng được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay và đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị T có đơn xin ly hôn, anh P đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc về việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng anh P không đến làm việc theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến, văn bản phản hồi gì đối với việc chị T xin ly hôn. Địa P đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật,

tuy nhiên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do anh P không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập. Ông C là bố đẻ của anh P cung cấp anh P có nói lại với ông C việc chị T xin ly hôn anh cũng đồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị T và gia đình (bố đẻ) anh P đều xác định vợ chồng chị T có 01 con chung là cháu Trần Quốc T, sinh ngày 27/6/2016, hiện nay cháu đang ở cùng anh P, cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T và anh P (có ý kiến lại với ông C) đều đề nghị để anh P được trực tiếp nuôi cháu T, xét là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của anh P cần được chấp nhận. Chị T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh P và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T, sinh ngày 27/6/2016. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000113 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà